



**BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ**  
**STATEMENT OF CHANGE IN NET ASSET VALUE**

Từ ngày 04 tháng 3 tới ngày 10 tháng 3 năm 2016 / From 04 Mar to 10 Mar 2016

**Tên Công ty quản lý quỹ:**  
Management Fund Company

**Tên ngân hàng giám sát:**  
Supervising bank:

**Tên Quỹ:**  
Fund name:

**Ngày lập báo cáo:**  
Reporting Date:

**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư chứng khoán Bản Việt**  
Viet Capital Asset Management

**Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)**  
Standard Chartered Bank (Vietnam) Ltd.

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
Viet Capital Balanced Fund

**Ngày 11 tháng 03 năm 2016**  
11-March-2016

STT No	Nội dung Item	Mã số Code	Kỳ báo cáo ngày 10 tháng 03 năm 2016 For the period ended 10 Mar 2016	Kỳ báo cáo ngày 03 tháng 03 năm 2016 For the period ended 03 Mar 2016
I	<b>I. Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở (NAV) đầu kỳ</b> <i>Net Asset Value (NAV) at the beginning of period</i>	4060	66,619,073,144	65,300,870,387
II	<b>II. Thay đổi NAV so với kỳ trước (= II.1 + II.2), trong đó</b> <i>Change of NAV during the period (= II.1 + II.2)</i> <b>Trong đó:</b> <i>Of which:</i>	4061	809,050,067	1,318,202,757
II.1	II.1 Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ mở trong kỳ <i>Changes of NAV due to market fluctuation and the fund's investment during the period</i>	4062	809,050,067	1,318,202,757
II.2	II.2 Thay đổi NAV do phân chia Lợi nhuận/Tài sản của Quỹ mở cho Nhà đầu tư trong kỳ <i>Change of NAV due to profit distribution to investors during the period</i>	4063	-	-
III	<b>III. Thay đổi NAV do mua lại, phát hành thêm Chứng chỉ quỹ (= III.1 – III.2)</b> <i>Change of NAV due to redemption, subscription of Fund Certificate</i>	4064	-	-
III.1	III.1 Khoản thu từ việc phát hành bổ sung Chứng chỉ quỹ <i>Increase from Subscription of Fund Certificate</i>	4065	-	-
III.2	III.2 Khoản thanh toán từ việc mua lại Chứng chỉ quỹ <i>Decrease from Redemption of Fund Certificate</i>	4066	-	-
IV	<b>IV. Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở cuối kỳ (= I + II + III)</b> <i>NAV at the end of period (= I + II + III)</i>	4067	67,428,123,211	66,619,073,144

**Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng giám sát**  
Authorised Representative of Supervisory Bank



**Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam)**  
Stefan Corera  
Giám đốc điều hành - Khối nghiệp vụ và công nghệ thông tin

**Đại diện có thẩm quyền của Công ty quản lý Quỹ**  
Authorised Representative of Fund Management Company



**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư chứng khoán Bản Việt**  
Phạm Xuân Đông  
Giám đốc Quỹ